

# Một số ý kiến về tổ chức cung ứng vật liệu nổ công nghiệp cho các doanh nghiệp ở Việt Nam

Hoàng Việt\*, Hoàng Quốc Mậu\*\*

*Vật liệu nổ công nghiệp (VLNCN) là loại vật tư hàng hóa đặc biệt mà quá trình sản xuất, phân phối, cung ứng, sử dụng phải được quản lý và tổ chức thực hiện một cách thống nhất theo các quy định chặt chẽ của Nhà nước. Ở nước ta, các đơn vị có chức năng sản xuất, cung ứng VLNCN có đủ năng lực đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế. Tuy nhiên, việc tổ chức cung ứng VLNCN những năm qua còn có những bất cập, ảnh hưởng đáng kể tới hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất, cung ứng cũng như các doanh nghiệp sử dụng VLNCN. Thực tiễn đang đặt ra yêu cầu bức thiết về việc xây dựng và hoàn thiện tổ chức cung ứng VLNCN cho nền kinh tế trên cơ sở hoàn thiện công tác quản lý và chính sách vĩ mô, hợp lý hóa hệ thống tổ chức cung ứng, nghiên cứu phát triển các loại VLNCN mới...*

**Từ khóa:** vật liệu nổ công nghiệp, doanh nghiệp sản xuất, chính sách vĩ mô

## 1. Đặt vấn đề

Vật liệu nổ công nghiệp (VLNCN) là loại vật tư hàng hóa đặc biệt, được Nhà nước quy định là mặt hàng hạn chế kinh doanh. Tuy nhiên, VLNCN lại là loại vật tư không thể thiếu trong nền kinh tế của mỗi quốc gia, trong đó có nước ta - một đất nước phát triển kinh tế dựa trên nền tài nguyên khoáng sản to lớn (than, đá, kim loại đen, kim loại màu,...). Ở nước ta hiện nay công nghệ khai thác khoáng sản, phá đá, thi công nhiều loại công trình vẫn bắt buộc phải sử dụng VLNCN vì chưa có công nghệ nào thay thế được và dự kiến trong tương lai việc sử dụng VLNCN vẫn là sự lựa chọn được ưu tiên hàng đầu.

Tính chất đặc biệt của loại vật tư hàng hóa - VLNCN thể hiện ở đặc tính của sản phẩm, ở quy trình sản xuất, ở tổ chức cung ứng và sử dụng sản phẩm VLN. Những đặc tính chủ yếu của loại vật tư hàng hóa này là:

- VLNCN là những hợp chất vô cơ có sức công phá mạnh. Sức công phá VLNCN tạo nên giá trị sử dụng đặc biệt của loại vật tư này. Trong các hoạt

động kinh tế giá trị sử dụng - sức công phá của VLNCN được ứng dụng rộng rãi trong khai thác khoáng sản và một số hoạt động xây dựng. VLNCN đồng thời cũng là loại vật tư luôn chịu ảnh hưởng của những tác động vật lý và hóa học, trong đó nhiều tác động có thể dẫn tới kích nổ gây nguy hiểm tới tính mạng của con người và tài sản. Mặt khác, sự thất thoát VLNCN có thể dẫn tới những hậu quả khó lường đối với an ninh chính trị và trật tự xã hội.

- Do tính “nhạy cảm” trước các tác động lý, hóa cũng như với an ninh và trật tự xã hội mà quy trình sản xuất, bảo quản, lưu thông và sử dụng VLNCN được xây dựng và thực hiện theo các tiêu chuẩn kỹ thuật, các quy định về tổ chức và quản lý chặt chẽ, ngặt nghèo nhằm đảm bảo an toàn cao nhất và chống thất thoát trong các hoạt động sản xuất, cung ứng và sử dụng VLNCN.

- Do tính đặc biệt của VLNCN mà (khác với các loại vật tư hàng hóa khác) việc sản xuất và cung ứng loại vật tư hàng hóa này cho các doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng chỉ được Nhà nước giao cho một số doanh nghiệp nhất định thực hiện. Các doanh nghiệp này sản xuất kinh doanh VLNCN với sự

quản lý và giám sát của các cơ quan chức năng Nhà nước. Các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh và các doanh nghiệp sử dụng VLNCN có trách nhiệm chấp hành nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về sản xuất kinh doanh và quản lý, sử dụng VLNCN.

VLNCN là loại vật tư hàng hóa có vai trò quan trọng đối với hoạt động của nhiều doanh nghiệp đồng thời cũng là loại vật tư hàng hóa “nhạy cảm”, đòi hỏi phải được quản lý chặt chẽ và sử dụng đúng mục đích theo các quy định của pháp luật. Hoạt động cung ứng VLNCN có ý nghĩa rất quan trọng trong việc đáp ứng đòi hỏi trên vì mặc dù là khâu nằm ngoài quy trình sản xuất và sử dụng VLNCN, song hoạt động cung ứng là khâu kết nối sản xuất với sử dụng loại vật tư đặc biệt này. Hệ thống cung ứng được tổ chức hợp lý là điều kiện đảm bảo cung ứng VLNCN đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng sử dụng, giảm thiểu được chi phí trung gian, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh cho các doanh nghiệp.

Để phát huy vị trí và vai trò trên, hệ thống cung ứng VLNCN cần phải đảm bảo các yêu cầu cơ bản sau:

- Đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng về VLNCN, bao gồm nhu cầu về khối lượng, chất lượng và nhu cầu về thời gian cung ứng, đảm bảo cung ứng VLNCN cho các doanh nghiệp đầy đủ và kịp thời.

- Bố trí hệ thống kho tàng hợp lý, tối ưu hóa mức dự trữ và lưu kho VLNCN để cung ứng cho khách hàng nhanh chóng, tối thiểu hóa thời gian vận chuyển, giảm tối đa chi phí cung ứng.

- Đảm bảo chất lượng dịch vụ cung ứng, tạo thuận lợi nhất cho khách hàng.

- Chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về quản lý VLNCN, đảm bảo cung ứng đúng đối tượng, đảm bảo tuyệt đối an toàn trong bảo quản, vận chuyển, giao nhận loại vật tư đặc biệt này.

Hiện nay, trên toàn quốc có hai đơn vị được phép kinh doanh, cung ứng VLNCN cho các doanh nghiệp có nhu cầu và được phép sử dụng VLNCN là Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ (Vina-comin) trực thuộc Tập đoàn Than - khoáng sản Việt Nam và Tổng Công ty Kinh tế Kỹ thuật công nghiệp quốc phòng (GAET) trực thuộc Bộ Quốc phòng. Năm 2012, số lượng doanh nghiệp có chức năng sử dụng VLNCN trong nền kinh tế là 2.236 doanh nghiệp (với mục đích chủ yếu là các doanh nghiệp

khai thác khoáng sản: 834 doanh nghiệp; với mục đích xây dựng công trình: 699 doanh nghiệp, còn lại 27 đơn vị với mục đích khác) và sản lượng VLNCN các loại tiêu thụ trên toàn quốc là gần 120.000 tấn.

Để cung ứng cho lượng khách hàng đa dạng và với số lượng VLNCN tiêu thụ tương đối lớn và trải rộng khắp cả nước (với 49 tỉnh thành có các doanh nghiệp sử dụng VLNCN) hệ thống cung ứng VLNCN cho các doanh nghiệp ngày càng phải được hoàn thiện theo hướng hợp lý, an toàn, hiệu quả và đáp ứng tối đa nhu cầu của nền kinh tế.

## **2. Khái quát hệ thống cung ứng VLNCN cho các doanh nghiệp ở Việt Nam**

Hiện trên cả nước có 7 doanh nghiệp thuộc Vina-comin và Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng (CNQP) được phép sản xuất VLNCN, cụ thể:

- Tổng Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ (Vina-comin) trực thuộc Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam có 13 đơn vị thành viên (trong đó có 10 đơn vị trực tiếp kinh doanh và cung ứng VLNCN) có 05 dây chuyền sản xuất (an phôi, thuốc nổ an toàn hãm lo, AH1) Tổng công suất có thể đạt 120.000 tấn/năm được phân bố ở Quảng Ninh, Đà Nẵng, Bà Rịa Vũng Tàu

- Viện Thuốc phóng Thuốc nổ trực thuộc Tổng cục CNQP có 01 xưởng sản xuất thuốc nổ TNP1 với năng suất có thể đạt 1.200 tấn/năm và 01 dây chuyền sản xuất thuốc nổ năng lượng cao với công suất 200 tấn/năm được bố trí tại Miếu Môn, Hà Nội.

- Công ty TNHH 1 thành viên cơ khí Hóa chất 13 trực thuộc Tổng cục CNQP có 03 dây chuyền sản xuất thuốc nổ (P113, AD1, NT) có công suất đạt 27.000 tấn/năm có trụ sở tại Yên Sơn, Tuyên Quang

- Công ty TNHH 1 thành viên cơ khí hóa chất 14 trực thuộc Tổng cục CNQP có 2 dây chuyền sản xuất thuốc nổ (AD1, NT) có công suất đạt 6.000 tấn/năm có trụ sở tại Biên Hòa, Đồng Nai.

- Công ty TNHH 1 thành viên Điện cơ và VLN 31 trực thuộc Tổng cục CNQP có 3 dây chuyền sản xuất thuốc nổ (AD1, NT) có công suất đạt 21.000/tấn/năm và 01 dây chuyền sản xuất thuốc nổ năng lượng cao có công suất đạt 500 tấn/năm có trụ sở tại Phố Yên, Thái Nguyên.

- Công ty TNHH 1 thành viên Điện cơ hóa chất 15 Trực thuộc Tổng cục CNQP có 04 dây chuyền sản xuất (an phôi, AD1, AfST, ABS) có công suất đạt 25.000 tấn/năm có trụ sở tại Thịnh Đán, Thái Nguyên.

- Công ty TNHH 1 thành viên Điện cơ và Hóa chất 21 trực thuộc Tổng cục CNQP có 02 dây chuyền sản xuất phụ kiện nổ công nghiệp và 01 dây chuyền sản xuất thuốc nổ AD1 có công suất đạt 12.000 tấn/năm có trụ sở tại Thanh Ba, Phú Thọ.

Tổng công suất của các doanh nghiệp sản xuất VLNCN trên cả nước hiện nay hoàn toàn có thể đáp ứng được nhu cầu về VLNCN của các doanh nghiệp có chức năng sử dụng loại vật liệu nổ này trong các ngành của nền kinh tế nước ta.

Trong những năm qua, để đáp ứng nhu cầu về VLNCN cho các doanh nghiệp trong nền kinh tế, hệ thống phân phối và cung ứng đã được hình thành trên phạm vi cả nước. Cơ chế hình thành hệ thống phân phối và cung ứng VLNCN những năm qua là các doanh nghiệp có chức năng sử dụng VLNCN và các doanh nghiệp được phép sản xuất, cung ứng VLNCN tự tìm tới nhau, thỏa thuận và ký kết hợp đồng mua bán VLNCN dựa trên nhu cầu của các doanh nghiệp sử dụng VLNCN. Thông thường việc tổ chức cung ứng VLNCN cho khách hàng được thực hiện qua các bước sau:

- VLNCN sản xuất tại xưởng (nhà máy) được chuyển vào kho của nhà máy, sau đó chuyển tới kho tiêu thụ. Từ đây VLN được cung cấp trực tiếp cho khách hàng tại nơi sử dụng VLN. Ở một số doanh nghiệp sản xuất VLNCN có sản lượng sản xuất lớn, số lượng khách hàng khá lớn và phân bố theo các vùng khác nhau thì VLN sau khi được sản xuất tại xưởng (nhà máy), ngoài việc đưa vào kho tại nơi sản xuất, một phần sản phẩm còn có thể được chuyển thẳng tới kho dự trữ ở các vùng, từ đây VLN được cung cấp trực tiếp cho khách hàng trong mỗi vùng.

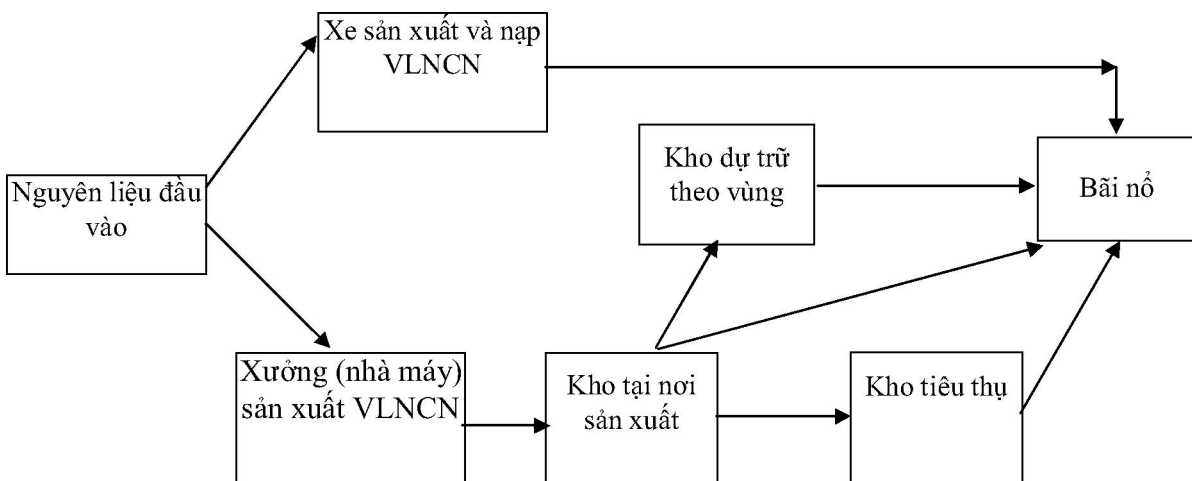
- Trong một số trường hợp, để đáp ứng kịp thời yêu cầu của khách hàng, VLNCN được sản xuất tại xe sản xuất và từ xe sản xuất VLN được cung cấp trực tiếp cho khách hàng tại nơi sử dụng (bãi nổ).

Hình 1 mô tả tóm lược hoạt động phân phối và cung ứng VLNCN của các doanh nghiệp sản xuất và cung ứng VLNCN cho các doanh nghiệp có chức năng sử dụng VLNCN.

VLNCN là một mặt hàng kinh doanh có điều kiện với việc quản lý chặt chẽ của nhà nước về sản xuất, kinh doanh, sử dụng nên hệ thống cung ứng loại vật liệu đặc biệt này những năm qua ở nước ta là 1 hệ thống khép kín từ nhà sản xuất đến đơn vị kinh doanh và khách hàng. Quy trình cung ứng VLNCN nêu trên những năm qua nhìn chung đảm bảo được yêu cầu an toàn và kịp thời cung cấp VLN cho khách hàng với chủng loại, số lượng và đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của khách hàng, nhìn chung mỗi doanh nghiệp thuộc Vinacomin hay GAET cung ứng cho khách hàng một cách độc lập.

Là các doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế thị trường, có sự quản lý của nhà nước, các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh VLNCN còn chịu sự chi phối của thị trường. Quy luật thị trường yêu cầu các doanh nghiệp cạnh tranh với nhau trong hoạt động kinh doanh VLNCN bằng chủng loại, chất lượng, giá thành sản phẩm, thời gian cung ứng sản phẩm và đặc biệt là chất lượng dịch vụ cung ứng. Chính vì vậy, để đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đòi hỏi các doanh nghiệp đổi mới về mọi mặt, nhất là việc chạy đua về thời gian cung ứng sao cho các khách hàng được cung ứng VLN một cách kịp thời,

**Hình 1: Hoạt động phân phối và cung ứng VLNCN của các DN sản xuất và cung ứng VLNCN**



thuận lợi với chất lượng sản phẩm tốt nhất.

Thời gian qua xuất phát từ đòi hỏi trên và từ chức năng nhiệm vụ sản xuất VLNCN cho nền kinh tế, từ yêu cầu sản xuất kinh doanh trong điều kiện kinh tế thị trường, từ yêu cầu quản lý chặt chẽ quá trình sản xuất, phân phối, sử dụng VLNCN, các doanh nghiệp có chức năng và nhiệm vụ sản xuất VLNCN cho nền kinh tế đã quan tâm và bước đầu thực hiện một số biện pháp tích cực và phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh VLNCN. Các biện pháp chủ yếu được các doanh nghiệp này chú ý và bước đầu triển khai thực hiện gồm:

- Nâng cao hiệu suất của các loại VLNCN thông qua việc hợp tác nghiên cứu, sản xuất giữa các nhà sản xuất VLNCN với nhau. Tuy nhiên việc hợp tác này chủ yếu mới thực hiện giữa các doanh nghiệp cùng một chủ quản, việc mở rộng hợp tác với các cơ quan nghiên cứu còn hạn chế.

- Cải tiến dịch vụ khách hàng nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng và giảm các yếu tố tác động không tích cực đến khách hàng. Nhờ vậy chất lượng dịch vụ từng bước được nâng lên. Tuy vậy chất lượng dịch vụ vẫn còn những hạn chế cần tiếp tục khắc phục.

- Duy trì dự trữ và lưu kho VLNCN phù hợp với nhu cầu của khách hàng và áp dụng các biện pháp nhằm giảm chi phí lưu kho VLNCN. Tuy vậy do đa phần sản phẩm doanh nghiệp tự tổ chức tiêu thụ nên mức dự trữ và lưu kho VLN vẫn có tình trạng bất hợp lý ảnh hưởng tới việc đáp ứng đầy đủ và kịp thời VLN cho các doanh nghiệp.

- Giảm chi phí đầu vào của sản xuất, đặc biệt là các chi phí không cần thiết trong hoạt động của doanh nghiệp nhằm giảm giá thành VLNCN.

- Nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp. Ngoài việc nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng như tạo thuận lợi cho khách hàng, rút ngắn thời gian giao hàng,... Các doanh nghiệp còn quan tâm nghiên cứu nhu cầu về VLN của khách hàng, đổi mới tiếp thị,... Tuy nhiên trong những năm tới cần tiếp tục thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp, đảm bảo cho các doanh nghiệp cạnh tranh thắng lợi trước sự xâm nhập của VLNCN nước ngoài vào thị trường Việt Nam

- Thiết lập chuỗi cung ứng giữa các đối tác truyền thống với nhau. Đây là biện pháp tích cực, song thời gian qua sự gắn kết giữa các đối tác trong một số

trường hợp còn hạn chế, ảnh hưởng nhất định tới hoạt động cung ứng VLNCN của các doanh nghiệp.

### **3. Kết quả hoạt động và những hạn chế, nhược điểm của hệ thống cung ứng VLNCN cho các doanh nghiệp**

Trong những năm qua, nhu cầu sử dụng VLNCN luôn tỷ lệ thuận với sự tăng trưởng của kinh tế đất nước. Lượng VLNCN được cung ứng cho hoạt động của các doanh nghiệp trong nền kinh tế nước ta những năm qua ngày càng có xu hướng tăng lên, cụ thể như bảng 1.

So sánh khả năng sản xuất của các doanh nghiệp

**Bảng 1: Lượng VLNCN cung ứng cho các doanh nghiệp**

Năm	Lượng VLNCN cung ứng cho các doanh nghiệp cả nước (tấn)
2008	102.111,76
2009	110.206,05
2010	120.523,59
2011	124.269,82
2012	119.620,18

trong nước và mức tiêu thụ của thị trường có thể thấy năng lực sản xuất hoàn toàn có thể đáp ứng được nhu cầu sử dụng VLNCN của các doanh nghiệp trong nền kinh tế. Do vậy nhu cầu về VLNCN của các doanh nghiệp trong nền kinh tế nhìn chung những năm qua được đáp ứng đầy đủ về số lượng, chất lượng và kịp thời. Tuy nhiên do mỗi doanh nghiệp sản xuất, cung ứng VLNCN hoạt động khá độc lập, các doanh nghiệp sử dụng và các doanh nghiệp sản xuất VLNCN tự tìm đến nhau, việc cung ứng VLN được thực hiện với các hoạt động lưu chuyển trung gian chủ yếu do doanh nghiệp sản xuất kinh doanh VLNCN thực hiện, hoạt động cung ứng thiếu sự chỉ đạo và định hướng chung của một cơ quan chức năng nên hệ thống cung ứng VLNCN còn tồn tại những bất hợp lý cần được khắc phục, trong đó những bất hợp lý chủ yếu là hệ thống cung ứng thiếu tính liên kết; Hệ thống kho tàng của các doanh nghiệp kinh doanh VLN khá phân tán; Bộ phận marketing và tiêu thụ sản phẩm còn công kênh;... Những bất hợp lý này của hệ thống cung ứng ngoài việc gây lãng phí cho cả doanh nghiệp sản xuất, cung ứng, cả doanh nghiệp sử dụng VLNCN, đồng thời còn tiềm ẩn nguy cơ



mất an toàn cho xã hội do những sự cố có thể xảy ra trong quá trình bảo quản, vận chuyển, giao nhận VLN.

Nghiên cứu thực tế cho thấy nguyên nhân chủ yếu của sự bất hợp lý trong hệ thống cung ứng VLNCN ở nước ta hiện nay xuất phát từ việc thiếu 1 cơ quan quản lý, điều chỉnh, giám sát hệ thống cung ứng này và đến nay việc tổ chức cung ứng VLNCN vẫn là một đề tài, chưa có một cá nhân, một tổ chức nào nghiên cứu một cách đầy đủ và bài bản để có những đề xuất cụ thể và thích hợp. Do vậy, cho tới nay các doanh nghiệp sản xuất và cung ứng VLNCN vẫn hoạt động tương đối thụ động, thiếu bài bản.

Theo quy hoạch phát triển ngành VLNCN Việt Nam đến năm 2015, định hướng đến năm 2025 đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại quyết định số 150/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 thì nhu cầu tiêu thụ VLNCN trên toàn quốc giai đoạn từ 2015 đến năm 2025 sẽ tăng từ 150.000 tấn/năm đến khoảng 180.000 tấn/năm. Với nhu cầu về VLNCN như trên, việc hợp lý hóa hệ thống cung ứng VLNCN là vô cùng quan trọng, có tác động trực tiếp và tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và góp phần phát triển nền kinh tế đất nước.

#### **4. Một số đề xuất**

Từ những kết quả nghiên cứu bước đầu về tổ chức và hoạt động của hệ thống phân phối và cung ứng VLNCN cho các doanh nghiệp trong nền kinh tế, theo chúng tôi cần từng bước tổ chức lại và hoàn thiện hệ thống phân phối và cung ứng VLNCN, trước mắt cần chú ý một số biện pháp sau:

- Về quản lý và chính sách vĩ mô, để thực hiện tốt quy hoạch phát triển VLNCN Việt Nam, việc quản lý vĩ mô đối với hoạt động sản xuất và cung ứng VLNCN cần được giao cho một cơ quan nhà nước chuyên trách. Cơ quan này có nhiệm vụ nghiên cứu tình hình, nhu cầu thị trường của từng vùng, từng giai đoạn, từng thời điểm để có định hướng xây dựng các nhà máy sản xuất tại các vùng nguyên liệu cho phù hợp. Làm được điều này một mặt sẽ góp phần đáp ứng kịp thời hơn nhu cầu của các doanh nghiệp có chức năng sử dụng VLNCN, đồng thời góp phần giảm giá thành sản phẩm VLN, giảm được lượng VLNCN lưu thông trên đường, giảm thời gian lưu kho VLN. Điều này cũng góp phần gắn kết chặt chẽ mục tiêu phát triển kinh tế với quốc phòng,

quốc phòng với kinh tế nhằm hoàn thành tốt 2 nhiệm vụ xây dựng kinh tế và bảo vệ tổ quốc.

- Về tổ chức, quản lý và điều hành hệ thống cung ứng VLNCN trên toàn quốc, cần giảm tối đa các hoạt động trung gian trong hệ thống và khắc phục tình trạng các doanh nghiệp sản xuất cung ứng VLNCN đều có hệ thống phân phối và cung ứng riêng. Việc tối ưu hóa hệ thống cung ứng VLNCN thông qua giảm các hoạt động trung gian và khắc phục tình trạng duy trì hệ thống cung ứng riêng của các doanh nghiệp VLNCN sẽ tạo điều kiện đảm bảo an toàn hơn trong quá trình vận chuyển, bảo quản, giao nhận VLNCN, nhất là trong tình hình an ninh chính trị và trật tự xã hội trong khu vực và trong nước có thể có những diễn biến phức tạp, khó lường. Ngoài ra việc hợp lý hóa hệ thống cung ứng còn tạo điều kiện để tiết giảm nhiều chi phí cho các doanh nghiệp kinh doanh VLNCN, đồng thời góp phần giảm giá thành các sản phẩm của các doanh nghiệp sử dụng VLNCN như: Than, đá và giá thành xây dựng các công trình,...

- Để hợp lý hóa hệ thống cung ứng VLNCN, giảm tối đa các khâu, các hoạt động trung gian trong cung ứng VLNCN có thể nghiên cứu tách việc sản xuất và cung ứng thành 2 chức năng do các doanh nghiệp khác nhau thực hiện, hạn chế để một doanh nghiệp vừa sản xuất vừa tổ chức cung ứng VLNCN như hiện nay. Việc hình thành một số doanh nghiệp chuyên kinh doanh dịch vụ cung ứng VLNCN sẽ tạo điều kiện chuyên nghiệp hóa hoạt động này, hợp lý hóa hệ thống kho tàng, hệ thống các đầu mối cung ứng VLNCN cho các doanh nghiệp trên các vùng,... Từ đó góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của ngành VLNCN cũng như tạo thuận lợi, giảm chi phí đầu vào cho các doanh nghiệp sử dụng VLNCN.

- Các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh VLNCN cần tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu và thực hiện các biện pháp nâng cao năng lực cạnh tranh trong kinh doanh, trong đó tập trung vào các biện pháp chủ yếu sau: Nâng cao chất lượng sản phẩm VLN, đặc biệt là nâng cao hiệu suất của VLN; Hạ giá thành sản phẩm thông qua giảm các chi phí đầu vào, đặc biệt là những chi phí không thật cần thiết về hành chính, giao dịch,... Tạo thuận lợi nhất cho khách hàng khi giao dịch; Tăng cường liên kết và hợp tác sản xuất kinh doanh giữa các doanh nghiệp VLNCN; Tăng cường các mối quan hệ giữa doanh nghiệp VLNCN và các doanh nghiệp sử dụng loại vật tư này;...

- Đồng thời với việc hoàn thiện chính sách, hoàn thiện công tác quản lý điều hành và nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp VLNCN, cần chú trọng việc nghiên cứu, phát triển những loại VLNCN mới có giá thành hợp lý, an toàn trong bảo quản, sử dụng và đáp ứng nhu cầu bảo vệ môi trường. Để thực hiện có kết quả việc nghiên cứu phát triển những loại VLNCN mới, các đơn vị có

chức năng sản xuất VLNCN (Vinacomin và Tổng cục (CNQP) cũng như các doanh nghiệp thành viên cần có đầu tư thỏa đáng cho công tác nghiên cứu phát triển VLNCN mới, đồng thời cần phát triển quan hệ liên kết hợp tác với các cơ quan khoa học – kỹ thuật trong nghiên cứu, phát triển các loại VLNCN mới. □

### Tài liệu tham khảo:

Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành VLNCN Việt Nam đến năm 2015, định hướng đến năm 2025.

Nghị định 39/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009, Quản lý nhà nước áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động VLNCN tại Việt Nam.

Pháp lệnh số 16/UBTVQH/2011 về quản lý vũ khí Vật liệu nổ công nghiệp và công cụ hỗ trợ.

Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng ở Việt Nam đến năm 2020.

Trần Mạnh Hùng (2005). Luận án tiến sỹ: “Đổi mới quản lý kinh doanh VLNCN ở nước ta hiện nay” .

Trần Khắc Hùng, (2010) Thị trường cung ứng và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp khu vực Nam Bộ - Hiện trạng và phát triển.

### Some comments on supplying industrial explosives for Vietnam enterprises

#### Abstract

*Industrial explosive material is of specialized commodity in which its process of manufacture, distribution, supply and use must be managed, organized and implemented synchronously in accordance with the strict regulation by the State. In our country, the organizations in charge of manufacturing, supplying industrial explosive material are capable of supplying full demand of the economy. However, the supply operation remains inadequate, which greatly influences the efficiency of industrial explosive material manufacturers, suppliers and users. In general, it is requested to improve the operation of industrial explosive supply system. In particular, it is necessary to improve the management, macro policies, optimize the supply system and research to develop new commercial explosive products .*

---

#### Thông tin tác giả:

\* **Hoàng Việt**, Giáo sư, tiến sĩ

- Nơi công tác: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

- Email: viethn@neu.edu.vn

\*\* **Hoàng Quốc Mậu**, Thạc sĩ

- Nơi công tác: Công ty Vật liệu nổ Công nghiệp - Tổng Công ty Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Quốc phòng- Bộ Quốc phòng.

- Email: hqmaugaet@gmail.com